ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
Số: 786 /BC-ĐHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Huế, ngày 30 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

- Tên Tiếng Việt: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
- Tên Tiếng Anh: University of Foreign Languages and International Studies, Hue University.

2. Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ hoạt động:

- Địa chỉ: 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Phường An Cựu, thành phố Huế
- Số điện thoại: (+84)234.3830677
- Địa chỉ thư điện tử: huflis@hueuni.edu.vn
- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: https://huflis.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Cơ sở giáo dục sự nghiệp công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Sứ mạng: "Trường Đại học Ngoại ngữ đào tạo, nghiên cứu khoa học về ngôn ngữ và văn hóa nhằm không ngừng nâng cao năng lực ngoại ngữ và tri thức văn hóa của người Việt Nam, trước hết là những người dân miền Trung và Tây Nguyên, và người nước ngoài vì sự hiểu biết và gắn kết các dân tộc trên toàn thế giới".

- Tầm nhìn: Đến năm 2050 Trường Đại học Ngoại ngữ trở thành một trong những trường đại học đa ngành, tự chủ, phát triển chủ yếu theo định hướng nghiên cứu về lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa có uy tín trong cả nước, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, có năng lực cạnh tranh và hội nhập với khu vực và thế giới.

- Mục tiêu:

Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng và đổi mới cơ chế quản lý nhằm xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động đảm bảo về số lượng, cân đối về cơ cấu, có phẩm chất đạo đức tốt. Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao tiếp cận tiêu chí đại học nghiên cứu. Tăng cường khả năng ứng dụng CNTT vào giảng dạy, ưu tiên trí tuệ nhân tạo (AI). Phát triển các chương trình đào tạo ngoại ngữ mới theo nhu cầu xã hội đồng thời phát triển chương trình đào tạo theo hướng liên kết các chương trình quốc tế. Đẩy mạnh việc lấy người học làm trung tâm, tăng cường kết nối và phục vụ cộng đồng. Phát triển Trường thành trường đại học kết hợp giữa nghiên cứu cơ bản và ứng dụng trong lĩnh vực ngôn ngữ, văn hóa và

giáo dục ngôn ngữ. Tiếp tục thực hiện nghiên cứu cơ bản, hướng đến các đề tài nghiên cứu có sản phẩm ứng dụng cao. Mở rộng quan hệ đối tác với các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Chú trọng hợp tác đào tạo và hỗ trợ việc làm trong và ngoài nước cho sinh viên sau tốt nghiệp. Thực hiện thường xuyên đánh giá chất lượng các hoạt động chính yếu về học tập, giảng dạy, phục vụ người học, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Bảo đảm công khai, minh bạch về tài chính. Tiếp tục thực hiện tốt công tác tự chủ tài chính trong các giai đoạn tiếp theo.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trong giai đoạn 1957-1976, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế tiền thân là hai Ban Sư phạm và Văn khoa thuộc Viện Đại học Huế, có chức năng đào tạo sinh viên chuyên ngữ Anh văn và Pháp văn. Đội ngũ giảng viên lúc bấy giờ được tuyển chọn từ những sinh viên tốt nghiệp đạt thủ khoa hoặc tuyển chọn dần từ đội ngũ giáo viên phổ thông.

Giai đoạn 1979-1994, sau khi đất nước được hoàn toàn thống nhất, Viện Đại học Huế có sự thay đổi về mô hình tổ chức và quản lý: Trường Đại học Tổng hợp Huế, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Y khoa Huế ra đời trên cơ sở chia tách từ Viện. Từ năm học 1977–1978, tại Trường Đại học Sư phạm Huế, Ban Anh văn và Ban Pháp văn sáp nhập lại và thành Khoa Ngoại ngữ. Năm học 1979–1980, thành lập thêm Phân khoa Nga văn trực thuộc Khoa Ngoại ngữ. Trong năm học 1989-1990, trên cơ sở Khoa Ngoại ngữ, ba khoa mới là Khoa Nga, Khoa Anh, Khoa Pháp được thành lập và đến năm 1991, thành lập thêm Ban Trung văn. Tháng 10-1978 Trường Đại học Tổng hợp Huế nay là Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế thành lập Khoa Ngoại ngữ gồm hai ngành đào tạo là Bộ môn tiếng Anh và Bộ môn Tiếng Nga. Song song với việc đào tạo giáo viên và cử nhân ngoại ngữ tại 2 Trường Đại học Tổng hợp Huế và Đại học Sư phạm Huế, tại các trường đại học khác ở Huế giai đoạn sau ngày giải phóng còn có các Bộ môn Ngoại ngữ trực thuộc (tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Y khoa, Đại học Nghệ thuật) làm nhiệm vụ giảng dạy ngoại ngữ không chuyên (tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Pháp) với đội ngũ giảng viên tương đối đông.

Đại học Huế được thành lập ngày 4/4/1994, theo Nghị định số 30/CP của Thủ tướng Chính Phủ bao gồm các trường thành viên: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Khoa học, Đại học Y khoa, Đại học Nông Lâm, Đại học Nghệ thuật. Thời kỳ này việc đào tạo ngoại ngữ (giáo viên và cử nhân ngoại ngữ, ngoại ngữ không chuyên) vẫn được tiếp tục đào tạo tại các trường thành viên như giai đoạn trước nhưng quy mô được mở rộng hơn. Đội ngũ giảng viên ngoại ngữ tại các khoa ngoại ngữ không ngừng được bổ sung về số lượng và nâng cao chất lượng. Số lượng giảng viên đạt trình độ thạc sĩ, tiến sĩ mỗi ngày một tăng nhanh.

Đến ngày 13 tháng 07 năm 2004, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế được

thành lập theo Quyết định số 126/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các khoa, bộ môn ngoại ngữ từ các trường thành viên thuộc Đại học Huế. Khi mới thành lập trụ sở của Trường được tạm thời đặt tại 27 Phan Đình Phùng, thành phố Huế. Đầu tháng 8/2007, Trường chuyển về khu quy hoạch - Làng Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Phường An Cựu, thành phố Huế.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Phạm Thị Hồng Nhung
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: 57 Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Cựu, thành phố Huế.
- Số điện thoại: (+84)2343830677
- Địa chỉ thư điện tử: n.pham@hueuni.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập Trường:

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế được thành lập theo Quyết định số 126/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các khoa, bộ môn ngoại ngữ từ các trường thành viên thuộc Đại học Huế.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐĐH ngày 12/06/2025 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Nghị quyết số 47/NQ-HĐĐH ngày 18/08/2025 của Chủ tịch Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- Danh sách thành viên Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác
1	Ông Nguyễn Văn Huy	Chủ tịch Hội đồng trường, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
2	Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
3	Ông Dương Minh Hùng	Chủ tịch Công đoàn Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
4	Bà Hà Bùi Tiểu Nguyệt	Sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh, UVBCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
5	Bà Đỗ Thị Xuân Dung	Phó Giám đốc Đại học Huế

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác
6	Bà Hoàng Thị Ngọc Ánh	Trưởng phòng KH,TC&CSVC Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	Trưởng khoa Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
8	Bà Hoàng Thị Thu Hạnh	Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
9	Ông Phạm Anh Huy	Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
10	Bà Nguyễn Hồ Hoàng Thủy	Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
11	Bà Trần Quang Ngọc Thúy	Trưởng khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế
12	Ông Nguyễn Thanh Bình	UV BTV Thành ủy Huế, Phó chủ tịch thường trực UBND thành phố Huế
13	Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Phó Giám đốc ngân hàng TMCP Vietcombank Huế
14	Bà Lê Phan Quỳnh Hương	Giám đốc ngân hàng TMCP Vietinbank Huế
15	Ông Nguyễn Tân	Giám đốc Sở GD&ĐT thành phố Huế

c) Quyết định bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:

- Nghị quyết số 63/NQ-HĐĐH ngày 19/09/2025 của Hội đồng Đại học Huế về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2025 – 2030;

- Nghị quyết số 3223/NQ-HĐT ngày 05/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2025 – 2030;

*** Quyết định bổ nhiệm theo chủ trương Nghị quyết 71-NQ/TW:**

- Quyết định số 1008/QĐ-ĐHH ngày 30/06/2026 của Quyền Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

- Quyết định số 1010/QĐ-ĐHH ngày 30/06/2026 của Quyền Giám đốc Đại học Huế về việc bố trí, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

- Quyết định số 1039/QĐ-ĐHH ngày 30/06/2026 của Quyền Giám đốc Đại học Huế về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

Nghị Quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29/11/2021 của Hội đồng Trường về việc

ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên:

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:**

Trích Nghị Quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29/11/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế:

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

1. *Chức năng*

Trường có chức năng đào tạo trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ các ngành đào tạo, được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa; phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế; xây dựng và phát triển đội ngũ, kết cấu hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; quản lý viên chức, người lao động, tài chính, tài sản theo quy định hiện hành.

2. *Nhiệm vụ và quyền hạn*

a) *Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường hướng đến phát triển Đại học Huế thành Đại học Quốc gia;*

b) *Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định;*

c) *Phát triển và hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định, bảo đảm chất lượng và sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo;*

d) *Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý, viên chức, người lao động; sử dụng nguồn lực chung thuộc Đại học Huế;*

đ) Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, viên chức, nhân viên, viên chức quản lý và người học; dành kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục;

e) *Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, cơ sở vật chất và Đại học Huế quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Đại học Huế (ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-ĐHH ngày 25/01/2021 của Giám đốc Đại học Huế); huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực; xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị theo phân cấp của Đại học Huế và sử dụng nguồn lực chung thuộc*

Đại học Huế;

g) *Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài;*

h) *Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Trường đặt trụ sở hoặc có tổ chức hoạt động đào tạo theo quy định;*

i) *Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.*

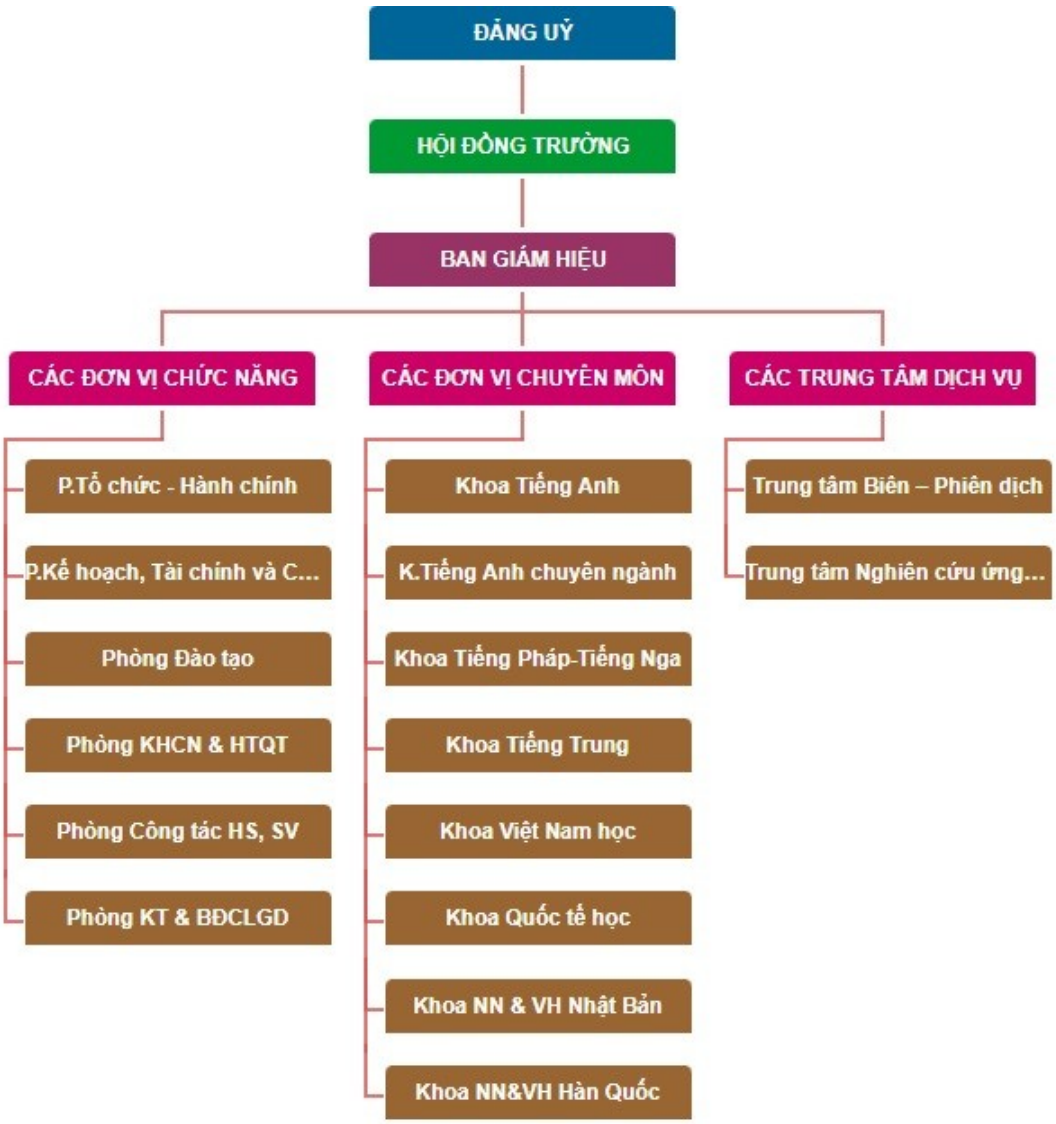
k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị thuộc Trường:**

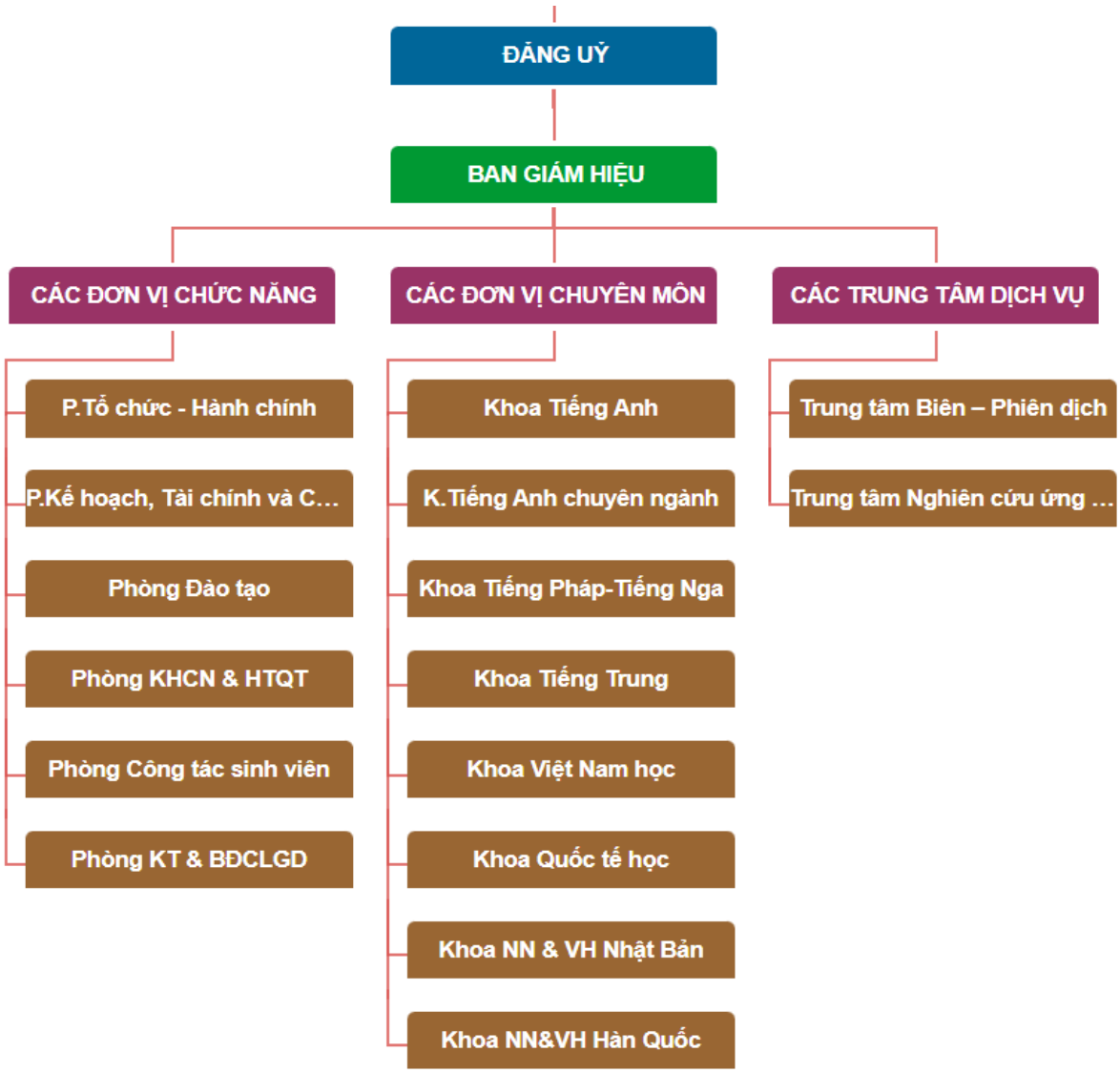
Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường được quy định tại Quyết định số 1944/QĐ-ĐHNN ngày 23/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

1. Trước thời điểm 31/12/2025:



2. Từ thời điểm 01/01/2026:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc: Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

*** Chủ tịch Hội đồng trường** (Từ 18/08/2025 đến 31/12/2025):

+ Họ và tên: Nguyễn Văn Huy

+ Chức vụ: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường.

+ Điện thoại: (+84) 2343830677

+ Địa chỉ thư điện tử: nguyenvanhuy@hueuni.edu.vn

+ Địa chỉ nơi làm việc: 57 Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Cựu, thành phố Huế.

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm: trích Điều 8, Nghị Quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29/11/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế:

Điều 8. Hội đồng trường

1. *Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường*

Hội đồng trường có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Giáo dục đại học hiện hành, cụ thể như sau:

a) *Quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và kế hoạch hoạt động hằng năm của Trường;*

b) *Ban hành các văn bản của Trường, bao gồm: Quy chế tổ chức và hoạt động; Quy chế tài chính; Quy chế dân chủ cơ sở phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (Luật số 34/2018/QH14) và quy định khác của pháp luật có liên quan;*

c) *Quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Trường với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động;*

d) *Quyết định về cơ cấu tổ chức, cơ cấu lao động, thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, hợp nhất, đổi tên các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng; ban hành danh mục vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện làm việc của từng vị trí; quy định về chủ trương tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật;*

đ) Quyết định và trình cơ quan quản lý có thẩm quyền ra quyết định công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng; bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng sau khi có văn bản đồng ý của Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Huế; tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động hằng năm của Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng; lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng vào giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất khi có trên 50% số thành viên Hội đồng trường yêu cầu;

e) *Quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển Trường; chính sách học phí, hỗ trợ người học; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Trường; quyết định chủ trương đầu tư và sử dụng tài sản có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của Trường; quyết định chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của chức danh lãnh đạo, quản lý Trường theo kết quả, hiệu quả công việc và vấn đề khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;*

g) *Giám sát việc thực hiện quyết định của Hội đồng trường, việc tuân thủ pháp luật, thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của Trường và trách nhiệm giải trình của Hiệu trưởng; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Trường; báo cáo hằng năm trước hội nghị toàn thể của Trường về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng trường;Tuân thủ pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý có thẩm quyền và các bên liên quan về các quyết định của Hội đồng trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin, chế độ báo cáo; chịu sự thanh tra,*

kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng trường; chịu sự giám sát của xã hội, cá nhân và tổ chức trong Trường.

*** Lãnh đạo Trường:**

- Hiệu trưởng:

+ Họ và tên: Phạm Thị Hồng Nhung

+ Chức vụ: Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

+ Điện thoại: (+84) 2343830677

+ Địa chỉ thư điện tử: n.pham@hueuni.edu.vn

+ Địa chỉ nơi làm việc: 57 Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Cựu, thành phố Huế.

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm: trích Điều 9, Nghị Quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29/11/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế:

Điều 9. Hiệu trưởng

1. *Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý, điều hành các hoạt động của Trường.*

2. *Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng:*

a) *Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Trường;*

b) *Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường;*

c) *Xây dựng đề án vị trí việc làm trình Giám đốc Đại học Huế phê duyệt; tổ chức tuyển dụng, quản lý và sử dụng hiệu quả đội ngũ viên chức và người lao động theo quy định của pháp luật; báo cáo Đại học Huế kết quả thực hiện;*

d) *Ban hành các quy chế, nội quy, quy định trong Trường nhằm đảm bảo việc quản lý, điều hành mọi hoạt động của Trường theo quy định pháp luật;*

đ) Đề xuất Hội đồng trường xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chức danh Phó Hiệu trưởng; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm các chức danh trưởng, phó trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường trở xuống; quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư đối với các giảng viên của Trường theo quy định hiện hành;

e) *Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học của Trường;*

g) *Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng và các vấn đề về tài chính, tài sản của Trường trước Hội đồng trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền;*

h) *Được ủy quyền cho Phó Hiệu trưởng thực hiện một số công việc được pháp luật cho phép; việc ủy quyền được thực hiện bằng văn bản;*

i) *Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.*

3. *Hiệu trưởng do Hội đồng trường quyết định và được Hội đồng Đại học Huế ra quyết định công nhận.*

4. *Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng trong phạm vi nhiệm kỳ của Hội đồng trường. Hiệu trưởng không giữ chức vụ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.*

5. *Điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hiệu trưởng thực hiện theo Quyết định số 06/QĐ-HĐĐH và các quy định khác của pháp luật có liên quan.*

- **Phó Hiệu trưởng:**

+ Họ và tên: Nguyễn Hồ Hoàng Thủy

+ Chức vụ: UVTV Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng

+ Điện thoại: (+84) 2343830677

+ Địa chỉ thư điện tử: nhhthuy@hueuni.edu.vn

+ Địa chỉ nơi làm việc: 57 Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Cựu, thành phố Huế.

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm: trích Điều 10, Nghị Quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29/11/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế:

- **Phó Hiệu trưởng:** (từ thời điểm 01/07/2026)

+ Họ và tên: Nguyễn Văn Huy

+ Chức vụ: Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng

+ Điện thoại: (+84) 2343830677

+ Địa chỉ thư điện tử: nguyenvanhuy@hueuni.edu.vn

+ Địa chỉ nơi làm việc: 57 Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Cựu, thành phố Huế.

+ Nhiệm vụ, trách nhiệm: trích Điều 10, Nghị Quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29/11/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế:

Điều 10. Phó Hiệu trưởng

1. *Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Trường thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng. Trường có không quá 02 Phó hiệu trưởng.*

Phó Hiệu trưởng do Hiệu trưởng đề nghị, Hội đồng trường bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm sau khi có văn bản hiệp y của Ban Thường vụ Đảng ủy Đại học Huế. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ và miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng được thực hiện theo Quyết định số 06/QĐ-HĐĐH và các quy

định khác của pháp luật có liên quan;

Nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm của Hiệu trưởng.

2. *Điều kiện, tiêu chuẩn của Phó Hiệu trưởng như quy định đối với Hiệu trưởng.*

3. *Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Hiệu trưởng:*

a) *Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng;*

b) *Xây dựng kế hoạch công tác thuộc các lĩnh vực được Hiệu trưởng phân công, báo cáo Hiệu trưởng các hoạt động được phân công phụ trách để Hiệu trưởng quyết định;*

c) *Tổ chức thực hiện các nội dung công việc trong lĩnh vực được phân công phụ trách; phối hợp với Phó Hiệu trưởng khác để giải quyết công việc có liên quan; báo cáo Hiệu trưởng kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao;*

d) *Thay mặt Hiệu trưởng giải quyết công việc khi được Hiệu trưởng ủy quyền, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật đối với công việc đã giải quyết;*

đ) Nhân danh Hiệu trưởng trong quan hệ và làm việc với các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi được Hiệu trưởng ủy quyền;

e) *Ký các văn bản, giấy tờ theo ủy quyền của Hiệu trưởng;*

f) *Thực hiện các công việc khác do Hiệu trưởng phân công.*

Các đơn vị thuộc Trường:* trích Nghị Quyết số 2232/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 29/11/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế:

Điều 13. Khoa thuộc Trường

1. *Khoa là đơn vị chuyên môn thuộc Trường, có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:*

a) *Quản lý viên chức, người lao động và người học thuộc Khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;*

Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo theo kế hoạch chung của Trường, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết và các giáo trình/bài giảng các môn học mà khoa phụ trách, bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các môn học của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của Trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) *Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của khoa;*

c) *Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ viên chức giảng dạy, chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;*

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho viên chức, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức và người lao động thuộc khoa;

d) *Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị được giao theo quy định của pháp luật và của Trường;*

g) *Tổ chức đánh giá viên chức quản lý, viên chức, người lao động trong Khoa và tham gia đánh giá viên chức quản lý trong Trường theo quy định;*

h) *Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.*

2. *Cơ cấu tổ chức của khoa thuộc Trường gồm:*

a) *Trưởng khoa;*

b) *Phó trưởng khoa;*

c) *Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa;*

d) *Các bộ môn thuộc khoa (mỗi khoa phải có ít nhất từ 02 bộ môn trở lên);*

đ) Cơ cấu tổ chức cụ thể của các khoa do Hiệu trưởng quyết định sau khi được Hội đồng trường thông qua theo quy định của pháp luật, của Đại học Huế và Trường.

3. *Trưởng khoa là người đứng đầu khoa, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về các mặt công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của khoa. Trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của trưởng khoa là 05 (năm) năm. Một người không giữ chức vụ trưởng khoa quá 2 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Trưởng khoa phải có trình độ tiến sĩ phù hợp với ngành đào tạo tại khoa. Đối với khoa không đảm nhận chính việc đào tạo một ngành để cấp một trong các văn bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, nếu không có tiến sĩ thì Hiệu trưởng có thể xem xét bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ – giảng viên chính vào vị trí trưởng khoa. Trưởng khoa có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:*

a) *Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của khoa quy định tại Khoản 1 Điều này;*

b) *Tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng và hoàn thiện các chủ trương, quan điểm phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý Trường;*

c) *Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của khoa trình Hiệu trưởng phê duyệt;*

d) *Tổ chức thực hiện các nội dung công tác thuộc khoa và các công tác khác được Hiệu trưởng giao;*

đ) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho phó trưởng khoa, phối hợp hoạt động và kiểm tra, đôn đốc viên chức, người lao động thuộc khoa thực hiện các công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa;

e) *Thông tin đến phó trưởng khoa, trưởng bộ môn, viên chức, người lao động của khoa những chủ trương, quyết định của Hiệu trưởng và những vấn đề có liên quan đến khoa;*

g) *Quản lý viên chức, người lao động thuộc khoa; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; nhận xét, đánh giá viên chức, người lao động thuộc khoa;*

h) *Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng giao.*

4. *Phó trưởng khoa*

a) *Phó trưởng khoa là người giúp trưởng khoa trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của khoa; báo cáo và chịu trách nhiệm trước trưởng khoa về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thay mặt trưởng khoa khi được trưởng khoa ủy quyền. Số lượng phó trưởng khoa thực hiện theo Đề án vị trí việc làm của Trường đã được Đại học Huế phê duyệt;*

b) *Phó trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của phó trưởng khoa theo nhiệm kỳ của trưởng khoa.*

c) *Phó trưởng khoa phải có trình độ thạc sĩ trở lên, riêng phó trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ phải có trình độ tiến sĩ.*

Đối với khoa không đảm nhận chính việc đào tạo một ngành để cấp một trong các văn bằng cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, nếu không có tiến sĩ thì Hiệu trưởng có thể xem xét bổ nhiệm người có trình độ thạc sĩ vào vị trí phó trưởng khoa phụ trách hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

Điều 16. Các phòng chức năng

1. *Trường có các phòng và trung tâm có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao (sau đây gọi chung là phòng).*

2. *Nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng*

a) *Tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng phương hướng, chương trình, kế hoạch công tác thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Phòng;*

b) *Chuẩn bị dự thảo các quyết định, công văn, báo cáo và văn bản khác về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng trình Hiệu trưởng xem xét quyết định hoặc ban hành;*

c) *Chấp hành các quyết định của Hiệu trưởng và triển khai thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;*

d) *Tổ chức, phân công công việc cho các viên chức, người lao động của Phòng. Kiểm*

tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các viên chức, người lao động của Phòng; quản lý viên chức, nhận xét, đánh giá viên chức của Phòng theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ và duy trì kỷ luật lao động trong Phòng;

e) *Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị của đơn vị;*

g) Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn khác được Hiệu trưởng giao.

3. *Trưởng phòng phải đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:*

a) *Có trình độ tiến sĩ hoặc giảng viên chính và tương đương trở lên (đối với nhân sự có trình độ thạc sĩ). Riêng trưởng phòng quản lý công tác đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế phải có trình độ tiến sĩ, có kinh nghiệm giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học; trưởng phòng quản lý công tác tổ chức nhân sự phải có kinh nghiệm giảng dạy đại học; trưởng phòng quản lý công tác bảo đảm chất lượng giáo dục phải có chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

b) *Có kinh nghiệm quản lý và các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực phụ trách (quản lý nhân sự, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, tài chính, kế toán, xây dựng...).*

4. *Phó trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Phòng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phó trưởng phòng phải có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng phó trưởng các phòng quản lý công tác đào tạo sau đại học, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế phải có trình độ tiến sĩ. Căn cứ vào số lượng viên chức của các phòng để xác định số lượng cấp phó của mỗi phòng theo quy định tại Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.*

5. *Thời hạn giữ chức vụ của trưởng phòng, phó trưởng phòng là 05 năm tính từ ngày quyết định bổ nhiệm có hiệu lực và có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi bổ nhiệm của trưởng phòng, phó trưởng phòng thực hiện theo các quy định hiện hành.*

6. *Điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng thực hiện theo Quyết định số 06/QĐ-HĐĐH và các quy định khác của pháp luật có liên quan.*

7. *Đối với chức danh Kế toán trưởng và Trưởng phòng Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất được thực hiện tinh gọn theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khoa XII và Thông báo kết luận số 424/TB-BGDĐT ngày 29/04/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 3, Thông tư 04/2018/TT-BNV ngày 27/03/2018 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước sau khi được Giám đốc*

Đại học Huế phê duyệt chủ trương.

8. Các văn bản khác của Trường:

- Chiến lược phát triển: Nghị quyết số 1939/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 22/12/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở: Nghị quyết số 249/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 13/04/2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

- Các nghị quyết của hội đồng trường:

+ Nghị quyết số 991/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 24/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về chủ trương thuê đơn vị cung cấp dịch vụ vệ sinh tại Trường giai đoạn 2025-2028;

+ Nghị quyết số 1043/NQ-HĐT-ĐHNN ngày 07/5/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc phê duyệt phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030.

+ Nghị quyết số 3084/NQ-ĐHNN ngày 18/11/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc phê duyệt chủ trương và phương án bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2025 - 2030;

+ Nghị quyết số 3223/NQ-ĐHNN ngày 05/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế nhiệm kỳ 2025 - 2030;

+ Nghị quyết số 3398/NQ-ĐHNN ngày 31/12/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về phiên họp của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về Thông qua chủ trương điều chỉnh thời gian thực hiện dự toán cung cấp và lắp đặt hệ thống camera quan sát tại các phòng học của giảng đường A và dự toán cải tạo giảng đường C của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

Quyết định số 1029/QĐ-ĐHNN ngày 05/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):

Thông báo số 216/TB-ĐHNN ngày 19/03/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế về việc tuyển dụng viên chức năm 2026.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian (Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 2 (Giảng viên) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	39,94	32,26
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	100 %	99,44 %
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	31,5%	31,8 %

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo (Các số liệu thống kê bảo đảm thống nhất với quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT)

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1.Giảng viên toàn thời gian							
	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	24	0	15	7	2	0
	Lĩnh vực Nhân văn	145	3	102	35	5	0
	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	12	0	5	7	0	0
2.Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động							
	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	24	0	15	7	2	0
	Lĩnh vực Nhân văn	145	3	102	35	5	0
	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	12	0	5	7	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ (Chỉ tính số cán bộ quản lý và nhân viên các đơn vị hành chính phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ hỗ trợ cán bộ và sinh viên; không tính các đơn vị sản xuất, kinh doanh và dịch vụ hạch toán riêng)

TT	Chỉ số	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	08	07
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	83	85

TT	Chỉ số	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	50,3%	51,4 %

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất (Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 3 (Cơ sở vật chất) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
1	Diện tích đất/người học (m2)	19 m^2/1 SV	13m^2/1 SV
2	Diện tích sàn/người học (m2)	3,3 m^2/1 SV	5,69m^2/1 SV
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	80%	80%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	1198	1175
5	Số bản sách/người học	5.2	5.1
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	15 %	14.99%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	200 Mbps	150 Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo (Diện tích đất và diện tích sàn được xác định theo quy định trong Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT)

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
1	Trụ sở chính	Số 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Phường An Cựu, Thành phố Huế	56.619	24.725
		Tổng cộng	**56.619**	**24.725**

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm (Ghi: Trụ sở chính, tên cơ sở hoặc phân hiệu)	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà	Trụ sở chính	0
2	Nâng cấp tòa nhà	Trụ sở chính	0
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm	Trụ sở chính	0
4	Nâng cấp trang thiết bị hệ thống phòng Lab (10 phòng máy)	Trụ sở chính	1.904
		Tổng cộng	1.904

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Mức độ đạt kiểm định: V2: 4,08; 3,85; 4,06; 3,96

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 15 tháng 03 năm 2024 đến ngày 15 tháng 03 năm 2029

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng	16/08/2022 đến 16/08/2027
2	7140231	Sư phạm tiếng Anh	Sư phạm tiếng Anh chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng	16/08/2022 đến 16/08/2027
3	7220203	Ngôn ngữ Pháp	Ngôn ngữ Pháp chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030
4	7140233	Sư phạm tiếng	Sư phạm tiếng	Trung tâm Kiểm	24/03/2025 đến

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
		Pháp	Pháp chính quy	định chất lượng giáo dục Thăng Long	23/03/2030
5	7220202	Ngôn ngữ Nga	Ngôn ngữ Nga chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030
6	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030
7	7140234	Sư phạm tiếng Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030
8	7220209	Ngôn ngữ Nhật	Ngôn ngữ Nhật chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030
9	7220220	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Ngôn ngữ Hàn Quốc chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030
10	7310630	Việt Nam học	Việt Nam học chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030
11	7310601	Quốc tế học	Quốc tế học chính quy	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	24/03/2025 đến 23/03/2030

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo (Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 5 (Tuyển sinh và đào tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm	82,9%	93.7 %
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	56,6%	37,9%
3	Tỷ lệ thôi học	9,72%	3.8 %
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	10,48%	1.9 %
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	94,8%	73,4%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	80,7%	62,1%
7	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên	96.27%	92.3 %
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	88.06%	94 %
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	88,8%	89.55 %

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm (*)
I	**Đại học**	**12.385**	**4.875**	**2.803**	**95,2**
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	950	272	209	96,77
	Chính quy	924	246	209	
	Vừa làm vừa học	26	26	0	
2	Lĩnh vực Nhân văn	11.152	4.502	2.547	97,68
	Chính quy	6.573	1.792	1.408	
	Đào tạo từ xa	4.579	2.71	1.139	
3	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	283	101	47	91,16
	Chính quy	283	101	47	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm (*)
II	**Thạc sĩ (và trình độ tương đương)**				
1	Lĩnh vực 1				
1.1	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	200	83	46	
2	Lĩnh vực 2				
2.1	Ngôn ngữ Anh	25	17	07	
2.2	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	12	10	02	
2.3	Ngôn ngữ Trung Quốc	55	25	15	
III	**Tiến sĩ**				
1	Lĩnh vực 1				
1.1	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	42	7	0	
2	Lĩnh vực 2				
2.1	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	6	0	3	

(*) Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ (Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 6 (Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	1.39%	2.051%
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0.54	0.413
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0.12	0.089

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	**CB-GV:** Cấp ĐHH: **27** Cấp trường: **35**	Cấp ĐHH: **1.700** Cấp trường: **703**
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số	**62**	**2. 403**

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	41	65
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	16	17
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	25	32
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính (Bao gồm các chỉ số theo Hướng dẫn xác định các chỉ số đánh giá tại Tiêu chuẩn 4 (Tài chính) của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT)

TT	Chỉ số đánh giá	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	17,55%	20,56%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	19,16%	45,12%

TT	Chỉ số đánh giá	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**

2. Kết quả thu chi hoạt động (Thống nhất với số liệu trong Biểu mẫu số liệu báo cáo thực hiện Chuẩn cơ sở giáo dục đại học được ban hành theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT; không bao gồm kinh phí đầu tư)

TT	Chỉ số thống kê	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	**273,042**	**189,615**
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư**	**0**	**0**
II	**Thu giáo dục và đào tạo**	**260,304**	**182,355**
1	Học phí, lệ phí từ người học	180,293	105,901
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	47,643	47,755
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
4	Thu khác	32,368	28,699
III	**Thu khoa học và công nghệ**	**1,797**	**1,677**
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0	0
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	0	0
3	Thu khác	1,797	1,677
IV	**Thu khác (thu nhập ròng)**	**10,941**	**5,583**
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**224,07**	**158,172**
I	**Chi lương, thu nhập**	**67,845**	**54,779**
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	34,142	35,041
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	33,703	19,738
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	**89,044**	**55,816**
1	Chi cho đào tạo	67,762	40,67
2	Chi cho nghiên cứu	6,303	6,346
3	Chi cho phát triển đội ngũ	0,82	0,95
4	Chi phí chung và chi khác	14,159	7,85

TT	Chỉ số thống kê	Năm học **2025-2026**	Năm học **2024-2025**
III	**Chi hỗ trợ người học**	**64,936**	**36,127**
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	58,34	30,991
2	Chi hoạt động nghiên cứu	4,176	3,186
3	Chi hoạt động khác	2,42	1,95
IV	**Chi khác**	**2,245**	**11,45**
C	**CHÊNH LỆCH THU CHI**	**48,97**	**31,44**

**** Tất cả các số liệu được cung cấp ở các bảng/biểu thuộc báo cáo thường niên được cập nhật đến ngày 30/06/2026)***

Nơi nhận:
- Ban ĐT&CTSV,ĐHH (để b/c);
- BGH (để b/c);
- Lưu: VT, P. KT&BĐCLGD.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên và đóng dấu)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ
ĐẠI HỌC HUẾ

Phạm Thị Hồng Nhung